**Đặc tả của use case Tạo đơn hàng**

| Use case ID | 2.1 |
| --- | --- |
| Use case name | Tạo đơn hàng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn tạo đơn hàng |
| Actors | Chủ tạp hoá |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng tạo đơn hàng |
| Pre-conditions | * Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống * Khách hàng mua hàng hoá |
| Post-conditions | * Đơn hàng mới được tạo * Thông tin đơn hàng được lưu trữ vào hệ thống * Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận việc tạo đơn hàng thành công cho người dùng |
| Main flow | 1. Người dùng chọn biểu tượng tạo đơn trên thanh công cụ 2. Người dùng nhập tên sản phẩm vào thanh tìm kiếm 3. Hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm: hình ảnh, tên sản phẩm, số lượng hiện có 4. Người dùng chọn biểu tượng “+” để tăng số lượng mặt hàng 5. Người dùng đánh dấu ô trống để thêm sản phẩm vào đơn hàng 6. Người dùng chọn “Tạo” 7. Người dùng chọn biểu tượng danh sách chờ 8. Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm trong danh sách chờ 9. Người dùng chọn biểu tượng “+” vào sản phẩm khách đồng ý thanh toán 10. Người dùng chọn ô “Tạo đơn” 11. Hệ thống hiển thị đồng thời: mã đơn hàng, thời gian tạo đơn, hiển thị danh sách sản phẩm, hiển thị tổng giá trị đơn hàng 12. Người dùng chọn ô “Hoàn thành” 13. Hệ thống lưu đơn hàng |
| Alternative flows | 1a1. Người dùng chọn biểu tượng danh mục trên thanh công cụ  1a2. Người dùng chọn “Đơn hàng”  1a3. Người dùng chọn biểu tượng “+”  4a. Người dùng chọn “biểu tượng “-” để giảm số lượng sản phẩm  4b. Người dùng nhập số lượng sản phẩm |
| Exception flows | 2a. Nếu sản phẩm không có trong hệ thống, hệ thống hiển thị thông báo “Không tồn tại sản phẩm” và kết thúc  4a. Nếu còn sản phẩm tiếp theo cần đưa vào danh sách chờ, quay lại bước 2  11a. Nếu lưu không thành công, hệ thống hiển thị thông báo “Lưu không thành công” và kết thúc |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |

**Đặc tả của use case Sửa đơn hàng**

| Use case ID | 2.2 |
| --- | --- |
| Use case name | Sửa đơn hàng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn sửa đơn hàng |
| Actors | Chủ tạp hoá |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng sửa đơn hàng |
| Pre-conditions | * Đơn hàng đã được tạo trong hệ thống * Có thông tin cần cập nhật, sửa chữa trong đơn hàng |
| Post-conditions | * Đơn hàng được chỉnh sửa thành công và cập nhật lại trong hệ thống. * Chủ tạp hoá có thể xem lại thay đổi sau khi hệ thống lưu thay đổi của đơn hàng. |
| Main flow | 1. Người dùng chọn ô “Sửa đơn” 2. Hệ thống hiển thị đồng thời: mã đơn hàng, thời gian tạo đơn, hiển thị danh sách sản phẩm, tổng giá trị đơn hàng 3. Người dùng chọn biểu tượng “-“ vào số lượng sản phẩm 4. Hệ thống cập nhật đồng thời: danh sách sản phẩm, tổng giá trị đơn hàng 5. Hệ thống hiển thị đồng thời: danh sách sản phẩm, tổng giá trị đơn hàng 6. Người dùng chọn ô “Hoàn thành” 7. Hệ thống cập nhật lại đơn hàng |
| Alternative flows | 3a. Người dùng chọn biểu tượng “+“ vào số lượng sản phẩm |
| Exception flows | 7a. Nếu đơn hàng cập nhật không thành công, hệ thống hiển thị “Cập nhật lỗi” và kết thúc |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |

**Đặc tả của use case Xoá đơn hàng**

| Use case ID | 2.3 |
| --- | --- |
| Use case name | Xoá đơn hàng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn xoá đơn hàng |
| Actors | Chủ tạp hoá |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng xoá đơn hàng |
| Pre-conditions | * Đơn hàng đã có trong hệ thống |
| Post-conditions | * Đơn hàng được xoá khỏi hệ thống * Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận việc xoá đơn hàng thành công cho người dùng |
| Main flow | 1. Người dùng chọn “Đơn hàng” 2. Hệ thống hiển thị các đơn hàng đã tạo 3. Người dùng vuốt đơn hàng cần xoá sang phải 4. Chọn “Xoá” 5. Hệ thống hiển thị thông báo “Bạn muốn xoá đơn?” 6. Người dùng chọn “Xác nhận” 7. Hệ thống xoá đơn hàng 8. Hệ thống hiển thị thông báo “Đơn hàng đã được xoá.” |
| Alternative flows | N/A |
| Exception flows | 4a. Nếu không còn nhu cầu xoá đơn hàng, người dùng chọn “Không. Quay lại” và kết thúc.  7a. Nếu xoá đơn hàng không thành công, hệ thống hiển thị thông báo “Huỷ không thành công” và kết thúc. |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |